

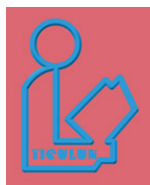
QUÁCH TẤN

Kỷ niệm về

TẢN ĐÀ

Kỷ niệm về TẢN ĐÀ

Quách Tấn



Paris * 03-2026

Nguồn : *Thư quán bản thảo*
Ebook : *Thư viện Tiểu Lùn*

**Kỷ niệm về
TẢN ĐÀ**

QUÁCH TẤN

VĂN số 175
Saigon * 01-04-1971

Tản Đà Tiên sinh đối với tôi là bậc tiền bối, song coi tôi như người bạn vong niên. Đề tựa “MỘT TẤM LÒNG” ra đời năm 1939, tiên sinh có câu : “Ông Quách Tấn người Bình Định, tác giả tập thơ *Một Tấm Lòng* đây với tôi, tuy chưa từng gặp mặt nhau, mà có thể coi nhận nhau là cố nhân...”. Và trong thư từ qua lại từ 1932, tiên sinh luôn luôn dùng hai chữ “cố nhân” mà gọi tôi. Nhưng đối với tiên sinh, tôi vẫn một mực tôn kính vào bậc Thầy. Bởi : a) tiên sinh sanh năm Mậu Tý (1888), một tuổi

cùng bà thân tôi ; b) Tôi hết lòng ngưỡng mộ tài đức Tiên sinh ; c) Nhờ tiên sinh nâng đỡ, dìu dắt, mà tôi có được đôi chút sự nghiệp văn chương. Ơn sâu không xiết kể.

Tôi ngưỡng mộ tiên sinh từ buổi thiếu thời :

Trong gia đình, mỗi lần cùng các cậu tôi bàn về nhân vật đương thời, ông thân bà thân tôi thường nhắc đến tiên sinh. Cho nên tôi được nghe danh tiên sinh từ ngày mới biết đọc biết viết.

Lại có một lần trong huyện tôi, huyện Bình Khê, xảy ra một việc về tiên sinh làm xôn xao dư luận cả tỉnh Bình Định :

Nguyễn Bình Khê là đất Tây Sơn

cũ. Nhà Tây Sơn trước ở Phú Lạc, sau dời xuống Kiên Mỹ¹. Khi nhà Nguyễn Gia Miêu lên thay nhà Tây Sơn thì đình làng Kiên Mỹ xây cất ngay trên nền nhà cũ của ba vua Tây Sơn lúc tiếm đế. Đình tiếng là thờ Thành hoàng, song sắc thần để nơi khác, còn đình bí mật thờ ba vua Tây Sơn. Đình rất linh thiêng. Người qua lại phải xuống ngựa, cất nón. Người người đều biết sự bí mật trong đình, song không ai dám hở môi. Quan cai trị địa phương cũng biết, nhưng sợ mang họa nên không dám thất lễ. Nhân cuộc Nam du (tôi không nhớ rõ năm nào, chừng vào khoảng 1924, 1925) đi ngang qua Bình Định, Tản Đà tiên sinh ghé lại thăm đình. Viên lý trưởng là Mạc

¹ Phú Lạc và Kiên Mỹ giáp giới nhau. Đã nói rõ trong “Nước Non Bình Định”, nơi mục Đền Tây Sơn.

Viên, tục gọi Xã Suyền, không chịu mở cửa cho tiên sinh vào làm lễ. Tiên sinh đành phải thấp nhang đèn khấu lạy ở trước thềm. Đoạn lững thững đi xem phong cảnh và di tích lịch sử quanh bốn phía. Xã Suyền ngờ rằng tiên sinh có dị ý, liền mật báo cùng quan huyện sở tại, Quan tức tốc cùng lính lệ kéo xuống Kiên Mỹ. Quan huyện tên Trịnh Bưu, có tiếng hay chữ và đã từng nghe danh Tản Đà tiên sinh. Khi đến nơi, biết rõ lai lịch của con người bị tình nghi có dị ý, thì hết sức mừng rỡ, liền rước về Huyện đường. Kiên Mỹ nằm phía bắc ngạn sông Côn. Huyện đường ở làng Trinh Tường nằm phía nam ngạn. Từ Kiên Mỹ lên Trinh Tường phải đi ngang qua làng Phú Phong. Khi đến Phú Phong thì trời đã hoàng

hôn. Nghe Phú Phong có tổ chức hát bội, tiên sinh xin ở lại xem hát. Quan Huyện phải chịu ý. Thân hào nhân sỹ Phú Phong đón tiếp tiên sinh rất trọng hậu. Đêm đến xem hát, bạn hát áo mũ ra lạy mừng, tiên sinh cao hứng thưởng đến hai đồng bạc². Ai nấy đều khen là hào hoa. Sáng hôm sau, tiên sinh thuê người đưa đi thăm phần mộ của Nguyễn Phi Phúc. Phần mộ của Nguyễn Phi Phúc ở trên dãy Hoành sơn thuộc làng Trinh Tường³. Từ ngày nhà Tây Sơn bị nhà Nguyễn diệt, người Bình Định không ai dám đến nơi. Gai góc đã lấp cả đường lối. Tiên sinh cùng người hướng

² Hai đồng bạc lúc bấy giờ giá trị rất lớn. Mỗi bữa ăn sang trọng chỉ tốn hai cắc (0\$20) là nhiều. Trong bài “Thú Áo Chơi”, tiên sinh có câu “Tuồng Bình Định rạp Phú Phong nói về việc này.

³ Đã nói rõ trong “Nước Non Bình Định”

dẫn phải nhọc công sức mới tìm thấy di tích⁴.

Đứng nơi mộ mà trông, tiên sinh khen là đại địa⁵. Di tích của nhà Tây Sơn thời bấy giờ thuộc vào loại cấm kỵ, không ai dám nhắc đến tên chớ đừng nói chuyện đến thăm viếng. Cho nên những hành động của tiên sinh trở nên phi thường, khiến kẻ này người kia bàn tán, câu chuyện không mấy lúc mà bay xa, không biết có phải do việc đi thăm di tích nhà Tây Sơn mà khi tiên sinh xuống Qui Nhơn để tiếp tục cuộc Nam du thì bị quan Tổng đốc Bình Định mời về giam lỏng tại tỉnh thành trong một thời gian rồi

4 Đã nói rõ trong “Nước Non Bình Định”

5 Tiên sinh có viết lại cuộc thăm viếng này. Tôi nhớ đã có đọc, nhưng quên không biết bài đó đăng ở đâu. Tìm trong các tác phẩm của tiên sinh mà tôi hiện có, đều không thấy.

buộc phải trở ra Bắc ? Những sự kiện trên in sâu vào tâm khảm tôi.

Đến khi tập tò làm thơ, tôi lại thích đọc thơ tiên sinh và chịu nhiều ảnh hưởng, nhất là về thơ lục bát. Có nhiều bài tôi bắt chước hẳn tiên sinh, như:

ĐỀ TRANH MỸ NHÂN

Người đâu sắc sảo mặn mà

*Ấy người Vu Giáp hay là Đào
Nguyên?*

Má hồng đượm vẻ thiên nhiên

*Không sầu không cảm không
duyên không tình.*

Sự đời gánh mặt làm thinh

*Nhộn nhàng ngựa trắng chó xanh
mặc đầu.*

Trăm năm ai nấy bạc đầu

*Nghìn năm ai vẫn một màu xuân
xanh.*

(Một Tấm Lòng)

Vì nhận thấy rõ nhược điểm của mình, nên tôi ít hay dùng thể lục bát.

Tôi rất muốn viết thư hầu chuyện cùng tiên sinh. Nhưng lòng e ngại không dám. Mãi đến năm 1932, tiên sinh mở mục “Văn đàn Giảng luận”, trên “An Nam Tạp chí”, tôi mới có cơ hội làm quen, và nhờ những lời khuyến khích, chỉ giáo

của tiên sinh mà bước đường văn chương của tôi mỗi ngày một tăng tiến⁶.

Lúc đó tôi làm việc tại tòa sứ Đồng Nai Thượng ở Đà Lạt, Tiên sinh viết thư hẹn ngày lên chơi. Tôi chuẩn bị sẵn sàng để nghênh tiếp. Khi ấy có Hồng Tiêu, chủ bút báo “Saigon”, lên nghỉ mát. Hồng Tiêu lớn hơn tôi chừng 6, 7 tuổi, thường cùng tôi xướng họa và đi dạo xem các thắng cảnh ở Đa-thành. Thấy nhà tôi lo ngâm rượu và sắm đồ nhấm, Hồng Tiêu cười bảo :

– Thiểm mày nên chuẩn bị tinh thần chịu đựng hơn là chuẩn bị hào soạn bĩ bàng.

⁶ Đã nói rõ ở phần “Đời Văn Chương”, trong “Bóng Ngày Qua” mà Châu Hải Kỳ đã trích đăng trong số Văn đặc biệt 161 ra ngày 1-9-1970.

Nhà tôi không hiểu ý, Hồng Tiêu giải thích :

- Mỗi bữa ăn của Tản Đà kéo dài hàng buổi, và món ăn phải hạp khẩu mới chịu ăn. Đã có lần vì nhà thơ muốn ăn tiết canh vịt mà nửa đêm chủ nhân phải chạy đi tìm mua vịt để làm tiết canh. Lại một lần nữa vì bữa ăn thiếu rau thơm, mà sân gạch của một người bạn thân bị tiên sinh đào lên để trồng rau thơm theo ý thích, vân vân⁷... Chú nó đã thờ Tản Đà làm thầy thì thiếu mày phải phụng sự tiên sinh như cha chồng, một ông cha chồng khó tánh.

Nhưng rồi ngày qua, rồi ngày qua... Kế tôi nhận được thư tiên

⁷ Đã có nhiều sách báo chép những giai thoại này, nên xin miễn nhắc lại tởm.

sinh cho biết : Hôm ấy tiên sinh đã mua vé tàu suốt vào Huế để đi ô-tô vào Nha Trang rồi đi tàu hỏa lên Đà Lạt. Nhưng trong lúc ngồi đợi tàu tình cờ gặp người bạn cũ ở Hòa Bình vừa đến Hà Nội. Gặp nhau mừng rỡ, đưa nhau vào quán rượu cạnh ga ngồi nói chuyện. Chuyện say sưa, quên lửng giờ tàu chạy ! Lỡ kỳ này, tiên sinh hẹn kỳ khác. Song “việc đời lắm lúc vô tiền định”, nên cái hẹn “lên chơi Đà Lạt” đành phụ với lòng.

Năm 1935 đổi xuống Nha Trang, tôi mua được ngôi nhà của cậu ấm Nguyễn Tư Trực, số 21 đường Bến Chợ. Chủ nhân bảo tôi :

- Ông là chỗ quen thân với Tản Đà, còn ngôi nhà này khi vừa

cất xong thì Tấn Đà là người đầu tiên đến tá túc. Nay nhà lại thuộc quyền sở hữu của ông. Như thế phải chăng là có duyên tiền định ?

Đoạn kể cho tôi nghe câu chuyện của Tấn Đà :

- An Nam Tạp chí ở Hàng Lọng Hà Nội tạm đình bản vì hụt tài chánh, tiên sinh vào Sài Gòn viết giúp cho tờ “Đông Pháp Thời báo” của Diệp Văn Kỳ. Tiên sinh cùng Ngô Tất Tố phụ trách trang văn chương, mỗi tuần ra mỗi kỳ. Ở Sài Gòn ồn ào viết văn không tiện, tiên sinh mượn nhà ở Xóm Gà ngoài châu thành. Mỗi tuần chỉ có một lần gửi bài đến cho tòa soạn. Một kỳ, tờ phụ trương văn chương đã lên khuôn mà bài của tiên sinh chưa

gởi đến. Sợ báo ra trễ, Ngô Tất Tố bèn lấy bài của mình thể vào chỗ để dành riêng cho tiên sinh. Tiên sinh bèn mời Ngô Tất Tố đến cụ. Họ Ngô không nhận. Hai bên sanh xích mích nhau. Diệp Văn Kỳ hay tin, đến hòa giải. Nhân đó yêu cầu tiên sinh giúp cho tờ phụ trương ra đúng kỳ. Tiên sinh liễm dung nói : “Ông mượn tôi vào đây để viết văn hay để bữa cử ? Nếu bữa cử thì lúc nào bữa cũng được. Bằng viết văn thì phải đợi húng, không húng không thể viết”. Diệp Văn Kỳ tưởng rằng tiên sinh nói cho hả giận. Không ngờ vài hôm sau, tiên sinh trả nhà, trở về Bắc không một lời từ giã họ Diệp cùng bạn bằng. Ra đến Nha Trang, tiên sinh gởi cho Bùi Thế Mỹ tám câu thơ :

Xóm Gà tan giấc rạng vàng ô
Tối đến Nha Trang rượu một bờ.
Trợ bút đã xin từ bác Diệp,
Văn chương, để lại cây thầy Ngô.
Dám quên Đông Pháp người tri kỷ,
Còn nhớ An Nam bức địa đồ.
Hai chuyến chơi xuân Thìn với
Mão
Khi ra còn nhận những đường vô.

Được thư Bùi Thế Mỹ liền đến tìm Diệp Văn Kỳ. Chừng đó mọi người mới hay là Tản Đà tiên sinh không còn ở Sài Gòn nữa. Đã biết rõ “hường vốn có gai”, nên không ai lấy làm lạ và cũng không ai có ý phàn nàn. Riêng Ngô Tất Tố rất bất

bình. Bất bình không phải vì thái độ của Tản Đà tiên sinh mà chính vì hai chữ “thầy Ngô”. Bèn họa vắn đả kích. Thơ họa có câu :

*Ngọng nghịu vắn chương giở giọng Ngô*⁸.

Thơ đăng báo, Tản Đà tiên sinh xem thấy, cười ha hả và bảo cùng bạn :

– Các ông xem coi ai ‘giở giọng Ngô.’

Tiên sinh đến Nha Trang định ghé nhà cậu ấm Nguyễn Te Trực là chỗ quen biết cũ, nghỉ chơi một đêm rồi sáng hôm sau lên đường. Nhưng lại gặp được một người bạn làng rượu tương đắc, nên không

8 Tôi không nhớ trọn bài. Câu này tôi không nhớ rõ là “Oặm oẹ vắn chương...” hay “Ngọng nghịu vắn chương...”

nữ đi vội. Người bạn ấy là ông Lê Đình Xương một phú ông ở cạnh nhà cậu ấm Trục. Tỉu lượng ông Lê không kém tiên sinh và do nhã ý của cậu ấm mà hai bên trở nên thân thiết.

Cậu ấm Nguyễn Tư Trục là một tay phong lưu và hiếu khách. Cậu có hai ngôi nhà ngói ở trong một khuôn viên. Nhà tự đường ở sau, nhà số 21 ở trước. Khi Tản Đà tiên sinh đến thì nhà số 21 vừa cất xong, trong nhà chỉ kê một bộ phản gỗ, một chiếc bàn xây và vài chiếc ghế đẩu. Để được tự do vui say, chủ nhân giao hẳn ngôi nhà số 21 cho tiên sinh và ông Cửu. Nhà ở gần chợ. Cứ mỗi buổi sáng, hai ông bạn dắt nhau đi mua thịt tươi, tôm tươi..., về tự nấu nướng lấy, rồi

cùng nhau đánh chén cho đến trưa đến chiều. Rượu say, cùng gối đầu lên nhau mà ngủ. Mâm bát bỏ ngổn ngang, cậu ấm cho người nhà đến dọn rửa. Ngày nào cũng thế. Thỉnh thoảng mới đến nhà ông Cửu hoặc vào nhà cậu ấm dùng cơm. Lưu liên gần nửa tháng, nhân cậu ấm ra Bình Định thăm sui, tiên sinh bèn từ giã ông Cửu, cùng cậu ấm lên đường cho có bạn.

Viết thư ra hầu thăm tiên sinh, tôi nói đến ngôi nhà số 21 vừa mua được và nhắc đến cậu ấm Nguyễn Tư Trực cùng ông cử Lê Đình Xương. Tiên sinh viết thư vào hện có dịp sẽ vào thăm bạn cũ cảnh cũ.

Nhưng suốt năm năm mong đợi, tôi chỉ được hầu chuyện tiên sinh trong thơ từ.

Tiên sinh ít hay viết thư vì nhắc đến nhà bưu điện. Mỗi năm tôi chỉ nhận được một vài bức. Nhưng không bức nào dưới hai trương giấy manh. Hầu hết đều nói về gia cảnh về tâm sự.

Còn văn chương thì tiên sinh thường nói trong mục văn đàn “An Nam Tạp chí” và “Tiểu thuyết Thứ Bảy”.

Gia cảnh và tâm sự của tiên sinh, một phần lớn đã được thơ văn phản ánh :

*Trong trần thế cảnh nghèo là khổ
Nỗi sinh nhai khốn khó qua ngày
Quanh năm gạo chịu tiền vay
Vợ chồng lo tính hôm rày hôm mai*

Áo lành rách vá may đắp điếm
Nhà ở thuê chật hẹp quanh co
Tạm yên đủ ấm vừa no
Cái buồn khôn xiết cái lo khôn
cùng...

(Cảnh vui của nhà nghèo)

Bồng bong đội mớ củi tàn
Con nheo nhóc đói vợ than thở
nghèo...

(Vợ chồng người đốt than)

Hôm qua chưa có tiền nhà
Suốt đêm thơ nghĩ chẳng ra câu
nào

Đi ra rồi lại đi vào

*Quần quanh chỉ tốn thuốc lao vì
thơ !*

(Ngẫu hứng)

Lấy ai là kẻ đồng tâm gỡ cùng !

Mỗi đâu bối rối tơ tằm

Bước lặn độn thẹn cùng sông núi

Mớ văn chương thảng rụi năm tàn

Lụy trần ngày tháng lan man

*Nỗi riêng riêng nghĩ muôn vàn
càng thêm...*

(Đêm đông hoài cảm)

Tình cảnh thật là cay đắng. Trên thực tế lại còn cay đắng bội phần !

Tuy không được sống gần tiên sinh, nhưng qua những dòng tâm sự tiên sinh trao gửi, tôi biết được nhiều nỗi chua xót mà tiên sinh không nỡ đem vào văn thơ.

Khổ với cảnh nghèo, tiên sinh vốn đã chịu đựng từ trước, Nhưng từ 1935 trở về sau, nỗi sinh nhai thật khốn khó đến mức tận cùng ! Nhất là về chỗ ở. Tiền nhà không trả kịp kỳ, tiên sinh thường phải chịu nhục ! Một người bạn có một ngôi nhà bỏ không nơi ngoại ô Hà Nội, bảo tiên sinh dọn đến ở. Nhà tuy cũ kỹ nhưng có sân có vườn, quang cảnh có phần thanh u. Tiên sinh rất lấy làm vừa ý. Ra công dọn dẹp sửa sang, cảnh nhà mỗi ngày mỗi thêm xuân sắc. Được mấy tháng yên vui, chợt một hôm vợ chồng người bạn

chủ nhà đến chơi, tiên sinh tiếp đón niềm nở và tỏ lòng tri ân cùng mong có ngày được đáp tình hạ cố. Song chỉ mười hôm sau, tiên sinh được giấy chủ nhân cho biết cần lấy lại nhà và yêu cầu tiên sinh tìm nơi khác. Không tìm được nơi nào khác, tiên sinh đành phải đem gia quyến về Khê Thượng quê nhà.

Ngày xưa Tư Mã Tương Như, người đất Thục, văn hay đàn giỏi, nhưng vì nghèo phải xa quê. Lúc ra đi viết lên cầu đầu làng : “Bất thừa cao xa tư mã, bất phục quá thử kiều”, nghĩa là : Không ngồi xe cao bốn ngựa, không đi trở lại cầu này. Đó là vì Tương Như đã thấy rõ nhân tình thế thái. Nơi Khê Thượng, Tản Đà tiên sinh không ruộng sâu trâu bầy, cảnh ăn nhờ ở

gởi chốn quê hương còn tủi nhục hơn chốn tha hương. Cho nên ở Khê Thượng không bao lâu thì tiên sinh trở ra Hà Nội. Tiên sinh mượn nhà ở Ngã tư Sở. Bề sinh sống rất chật vật. Cái cảnh bị chủ nhà nhục mạ thường xảy ra luôn. Một hôm chủ nhà cho người khuân đồ đạc của tiên sinh vất cả ra đường cái vì không chạy ra tiền nhà ! Đương lúc bối rối thì tiên sinh nhận được một bức thư kèm một ngân phiếu 10\$00, từ miền Nam Trung Việt gửi ra. Đó là của một viên công chức ngưỡng mộ tài đức tiên sinh. Nguyên viên công chức ấy truy lãnh được một số tiền thăng trật gần vài chục đồng, định dùng mở tiệc rượu đãi bạn bằng thì chợt nhớ đến tiên sinh, bèn trích ra 10 đồng gửi ra Hà Nội để tiên sinh

sắm bữa rượu đặng “trong nơi xa cách hướng vào nhau nâng chén chung vui”. Không ngờ món tiền để chung vui ấy lại giúp tiên sinh cứu vãn được tình thế rối rắm.

Trong bức thư gửi kể cùng tôi câu chuyện trên, tiên sinh nói : “Tháng này đã yên, còn tháng sau, tháng sau nữa, không biết cậy vào đâu !” Tôi không cầm được nước mắt.

Những bạn bằng biết rõ tình cảnh của tiên sinh cũng thường tìm cách giúp đỡ. Song người hăng tâm lại không hăng sản, nên những món quà lòng gửi tặng chỉ là những gáo nước rưới trên bãi cát nắng nung ! Còn những người quen biết, tiền của dinh dư, đối với

tiên sinh lại lắm phần tệ bạc : Một người bà con phía vợ tiên sinh có một cửa hàng to lớn ở Hà Nội, thường khen văn tài của tiên sinh và rất lấy làm hãnh diện rằng mình có người bà con văn chương lỗi lạc. Song tiên sinh không mấy khi giao thiệp. Nhưng có một hôm túng quá, tiên sinh cho con mượn đến đờ hai đồng (2\$00). Người bà con⁹ từ khước, lấy cớ rằng buôn bán không ra gì !

Quần bách quá, tiên sinh phải bán bản quyền bộ “Liêu Trai Trích Dịch” cho nhà in Tân Dân, với giá tiền năm chục đồng (50\$00). Phải chi Tân Dân trả trọn số tiền ấy một lần thì tiên sinh cũng dùng được nhiều việc có ích. Khốn nỗi tiên

⁹ Vâng lời dặn của tiên sinh, tôi xin giấu tên người bà con quý hóa này.

sinh phải đến nhiều lần, và mỗi lần chỉ nhận được một số ít !

Nhất Linh và Khải Hưng đối với tiên sinh cũng không mấy đẹp : Năm 1937, sau khi thất bại về nghề làm thuê các thứ văn vui buồn, thường dùng trong xã hội” và nghề đoán lý số Hà-Lạc, tiên sinh nhận lời mời của Nhất Linh dịch thơ Đường cho báo “Ngày Nay”. Mỗi kỳ chỉ đăng vài ba bài, và tiền nhuận bút chỉ trên dưới năm đồng bạc (5\$00). Nhưng số tiền đó đối với tiên sinh lúc bấy giờ không phải nhỏ. Cho nên hễ báo ra, thấy có bài của mình, tiên sinh liền đến ngay tòa soạn. Khải Hưng cấp cho tiên sinh một phiếu xuất, tiên sinh cầm đến quỹ lãnh tiền. Đó là theo nguyên tắc. Song nào phải đến là nhận ngay

được phiếu, lãnh ngay được tiền. Có khi tiên sinh phải chờ hàng giờ nơi phòng đợi hoặc trước cửa quý ! Phải chi Nhất Linh và Khái Hưng nghĩ đến tuổi tác một nhà thơ thất thế, để sẵn phiếu và tiền nơi văn phòng, hễ tiên sinh đến là trao ngay cho tiên sinh khỏi phải chầu chực, thì lòng hai ông có phải tốt đẹp như lòng cô Liên trong Gánh Hàng Hoa hay chẳng ! Nhưng Tản Đà tiên sinh không hề gợi ý. Thái độ của tiên sinh lúc bấy giờ thật khác hẳn mấy năm về trước. Đó là do tuổi tác hay do nghèo ?

Tuy khốn khổ vì nghèo, tiên sinh vẫn không bỏ thú ngâm thơ, làm thơ, nói chuyện thơ.

Ngoài những lời hướng dẫn

trên “An Nam Tạp chí”, “Tiểu thuyết Thứ Bảy”, thỉnh thoảng tôi còn nhận được những lời chỉ giáo của tiên sinh trong thư từ.

Một lần tôi thưa cùng tiên sinh rằng tôi thích được một câu tuyệt tác hơn là có một bài trung bình hoặc trên mức trung bình. Tiên sinh bảo : “Một chiếc áo bả nạp gấm có vải có, giá trị đâu bằng một chiếc áo vải hay lụa nguyên lành”. Và khuyên tôi chớ nên tập trung công phu vào một vài câu mà nên phân phối cho toàn thể. Nếu được “áo trời không đường may” càng tốt. Bằng không, sẽ tránh khỏi cảnh tượng “gấm vải xô bờ”.

Một lần nữa, nhân nói về bài dịch “Trường Hận Ca”, tiên sinh

chỉ cho tôi phương pháp phiên dịch mà tiên sinh thường áp dụng : Trước hết chỉ nên dịch những bài mình thích thú. Khi đã chọn được tác phẩm rồi, phải tìm xem chỗ lập ngôn, chỗ dụng ý của tác giả như sao, phải xét xem tác giả dụng công ở đoạn nào, đặc ý ở câu nào ở những câu nào. Đoạn tìm hiểu thấu đáo ý nghĩa từng câu từng đoạn và toàn thiên... Đến khi dịch phải đặt mình vào địa vị tác giả để vui buồn nỗi vui buồn của tác giả, thích thú những thích thú của tác giả. Không cần phải bắt đầu dịch đi. Đoạn nào mình ưng, câu nào mình thích thì cứ dịch trước. Vì nội dung bài thơ mình đã nắm vững, không còn sợ mạch lạc không gắn liền nếu không dịch theo thứ tự sau trước của nguyên tác. Tiên sinh cho biết

trong bài “Trường Hận Ca”, Bạch Cư Dị dụng công ở ba đoạn : 1. Đoạn chạy lên lánh nạn ở Ba Thục. 2. Đoạn trở về cung nhìn cảnh cũ nhớ người xưa. 3. Đoạn Dương Ngọc Chân gặp sứ giả Hàn đình. Và tiên sinh thích thú nhất là đoạn Ngọc Chân gặp sứ giả. Nên đã ra công dịch đoạn ấy trước:

Nghe tin Sứ giả Hàn đình

*Cửu hoa trong trướng giật mình
giấc mơ.*

Cầm áo dậy thân thơ buồn bực

Mở rèm châu bình bạc lần ra

Bâng khuâng nửa mái mây tà

*Thềm hoa xuống bước mũ hoa lệch
đầu¹⁰*

¹⁰ Xem lại các bản in thì lại thấy : “Thềm hoa xuống,

*Phới tay áo bay màn ngọn gió
Giống Nghê thường khúc múa năm
xưa*

*Lệ dàn mặt ngọc lụa thưa
Cành lê hoa chiu hạt mưa xuân
dầm...*

Tiên sinh nói rằng đoạn này làm tiên sinh nhớ giấc mộng lên Tiên cảnh gặp Dương Ngọc Chân và đã vì họ Dương mà làm ra câu:

*Bồng lai ngày tháng thanh nhàn
Cố cung tưởng lại muôn vàn ái ân.*

Đoạn tiên sinh dịch tiếp là đoạn nhà vua về cung, nhớ cảnh cũ nhớ người xưa :

chiếc mũ hoa lệch đầu”. Mỗi bên có một vẻ hay riêng. Không biết đó là do tiên sinh sửa lại hay do người sau chép lộn hoặc tự ý sửa.

*Cảnh xưa dương liễu phù dung
Vị Ương Thái Dịch hồ cung vẹn
mười.*

*Phù dung đó ! Mặt ai đâu tá ?
Mây liễu đâu? Cho lá còn như !
Càng trông hoa liễu năm xưa
Càng xui nước mắt như mưa ướt
dầm !*

*Xuân đào lý gió đêm hoa nở
Thu khi mưa rụng lá ngô đồng
Kìa Nam uyển nọ Tây cung
Đầy thêm ai quét lá hồng sương
rơi¹¹ ?!...*

11 Trong các bản in thấy chép là “là hồng thu rơi.” Nhưng khi Tấn Đà tiên sinh chép cho tôi thì chép “sương rơi”. Trong nguyên văn “Lạc điệp mãn giai hồng bất tảo, chỉ ngô rờng. Câu dịch dùng chữ “sương” tránh được lỗi trùng chữ với câu “Thu khi mưa rụng lá ngô đồng”.

Đó là hai đoạn tiên sinh vừa lòng nhất.

Kể đó tiên sinh dịch đoạn nhà vua chạy lên Ba Thục, với những câu đặc ý :

*Ầm tiếng trống Ngự Dương kéo
đến*

*Khúc Nghê thường tan biến như
không.*

*Chín lần thành khuyết bại tung
Nghìn xe muôn ngựa chơi vùng
Tây Nam...*

.

*Đất Ba Thục non xanh nước biếc
Lòng vua cha thương tiếc hôm mai
Thấy trăng luống đã đau người*

*Đêm mưa đứt ruột canh dài tiếng
chuông...*

Trong đoạn này tiên sinh thích nhất là chữ “âm” và chữ “vua cha”. Chữ “âm” vừa tả cảnh rầm rộ mãnh liệt của quân giặc, vừa tả cảnh đột ngột hãi hùng của biến cố. Chữ “vua cha” tiên sinh dịch chữ “Thánh Chúa” trong nguyên văn ra. Nhưng tại sao “Thánh Chúa” không dịch là “chúa thánh” mà lại dịch là “vua cha” ? Có phải vì tiếng “chúa thánh” trắc, mà chữ thứ hai thứ ba của câu thơ phải bằng ? Tiên sinh cho biết : “Dương Quý Phi vốn cưới về làm vợ Thái tử. Nhưng Đường Minh Hoàng mê nhan sắc, bên đưa thẳng vào cung làm Quý phi. Hành động của vua Đường rõ là loạn luân, thế mà Bạch Cư Dị lại

gọi nhà vua là Thánh Chúa, thì hai chữ Thánh Chúa có ngấm ý mỉa mai. Nên dùng hai chữ ‘Vua Cha’ trong thơ dịch để làm sáng tỏ dụng ý trong nguyên văn.”

Dịch xong ba đoạn quan trọng rồi, chỉ còn lo nối liền lại. Vì đã thấu triệt tình ý của toàn thiên, nên những mối hàn dính vào nhau sít sao không một chút hở.

*

Thư của tiên sinh, bức nào cũng chứa chan niềm tin yêu thương tưởng. Đối với tôi đó là những cơn mưa tưới vào mảnh vườn lòng đương nẩy lộc.

Theo lời chỉ giáo của tiên sinh trong thư và trên báo chí, cùng lời dạy trong sách mà tiên sinh khuyên nên tìm đọc, tôi ra công tu dưỡng tập luyện. Từ ngày xuống Nha Trang, bước đường văn chương của tôi tiến nhanh gấp bội phần lúc tôi còn ở Đà Lạt. Những thơ tôi làm lúc ấy, gửi ra trình chính cùng tiên sinh, phần nhiều đều khỏi bị “danh lạc Tôn sơn”. Tôi hết sức mừng. Và càng mừng càng cố gắng.

Đầu năm Kỷ Mão (1939) tôi lựa được trên 50 bài thất ngôn bát cú và trên vài mươi bài thất ngũ tuyệt, lục bát, biến thể lục bát... góp thành tập, lấy tên là “MỘT TẤM LÒNG”, để xuất bản. Tôi đánh máy làm nhiều tập, gửi ra trình tiên sinh một tập và xin tiên sinh đề cho bài

tựa. Thư và bản thảo gửi đi đã hơn ba tháng mà không thấy hồi âm. Tôi rất lo sợ. Không sợ thư thất lạc, vì gửi bảo đảm, mà lo tiêu sinh không nhận lời cầu xin. Bởi năm trên đã có người nhờ tiên sinh mà tiên sinh tìm có thoái thác, vì văn chương không được xứng ý. Tôi tự nhủ : “Nếu không được tựa của tiên sinh thì nhất định không xuất bản sách. Nhưng đọc lại những lời khen của tiên sinh đăng trên An Nam Tạp chí và Tiểu thuyết Thứ Bảy, tôi vẫn nuôi hy vọng. Và tuy nóng ruột chờ mong, tôi vẫn không dám viết thư hỏi thăm vì sợ thất lễ.” Đến thượng tuần tháng tư âm lịch, tức vào thoáng cuối tháng 5 dương lịch, tôi nhận được thư bảo đảm của tiên sinh. Hồi hộp mở thư... Khi thấy có bài tựa, tôi mừng

đến run người ! Tiên sinh cho biết về nguyên nhân chậm phúc tín : Nguyên sau khi đọc kỹ bản thơ, tiên sinh sắp đặt để viết tựa, thì có người bà con đến mời đi ăn ky. Lúc trở về gặp mưa giữa đường nên bị cảm mạo, xương thịt nhức mỏi khó chịu, ráng uống thuốc cho chóng mạnh, song bệnh chỉ giảm phân. Đợi trong người được khoẻ khoẻ khoản để viết văn cho có tinh thần, song trên hai tháng rồi, bệnh tình mãi cứ dây dưa. Sự việc in sách bị chậm trễ, nên tiên sinh phải gượng dậy “lão thảo đôi hàng gửi vào cổ nhân dùng tạm”. Bài tựa tuy ngắn, song rất đầy đủ. Tôi nhận thấy lòng tiên sinh đối với tôi chẳng khác lòng bà mẹ già đối với con gái sắp về nhà chồng. Niềm âu yếm biểu lộ ra từng câu nói. Cảm động nhất là

câu : “Nay ông xuất bản tập thơ, mà trước khi tập thơ ấy ra đời, ông có lòng nhớ đến cố nhân cho biết. Thời chút tình tương tri tương ái, ai nhớ ai mà ai dám quên ai”.

Việc in tập “Một Tấm Lòng” vốn đã thương lượng trước cùng nhà in Thụy Ký Hà nội, nên khi nhận được bài tựa là tôi gửi sách ra in ngay.

Nhưng lòng mừng chưa hả thì mười hôm sau tôi nhận được tin tiên sinh từ trần ! Đau đớn quá ! Tôi đương ở sở làm việc, không giữ nổi bình tĩnh, phải xin phép về nhà. Đường xa không ra đưa đám tiên sinh được, tôi đành gửi lễ ra điếu tang và thiết hương án hướng ra Bắc lạy anh hồn tiên sinh bốn lạy.

Tiên sinh mất, hầu hết người trong làng văn làng thơ đều thương tiếc. Có nhiều thơ nhiều đối phúng điếu. Xuất sắc nhất là câu đối của cụ Huỳnh Thúc Kháng :

*Không sắc nhất quỳnh hoa, tiểu
khứ hân nhiêm*

*thiên thượng quần tiên đa quyền
thuộc ;*

*Túy ngâm song bạch nhãn, hứng
lai huy bút,*

*nhân gian thiên thủ ngạo công
hầu.*

Cụ tự dịch:

Không sắc một hoa quỳnh, về vượt
râu chơi,

tiên bạn lắm người nên quyền
thuộc ;

Say ngâm hai mắt trắng, hứng thơ
bút múa,

giá thi mấy lớp xấp công hầu.

Cụ Huỳnh cùng tiên sinh vốn không hay lui tới, cũng không có thư từ qua lại. Nhưng xem câu đối điếu thì biết Huỳnh chí sỹ kính yêu tiên sinh biết chừng nào. Niềm kính yêu giấu kín trong lòng mãi đến khi kẻ mất người còn mới thổ lộ. Mối tình thật là cao quý, thật là đẹp đẽ ! Tình đã cao đẹp, vẫn lại hàm súc. Chỉ có ba mươi hai chữ mà nói rõ khí tượng và tài năng của người quá cố. Không cần đọc tiểu sử, chỉ đọc câu đối điếu cũng đủ thấy được phẩm giá của Tản

Đà tiên sinh, cũng biết qua được sự nghiệp văn chương của Tản Đà tiên sinh.

Sự nghiệp văn chương của tiên sinh, thơ cũng như văn, tất cả đã được xuất bản khi tiên sinh còn tại thế. Năm Nhâm Ngọ (1942), nhân ra Hà Nội có việc, tôi ghé thăm gia đình tiên sinh ở nhà số 71 Ngã tư Sở. Tôi thu nhặt được một ít đi cảo của tiên sinh. Trong số bản thảo này tôi thấy có ít câu thơ chưa hành thể. Như bốn câu thơ dịch bài chữ Hán sau đây:

TRỪ TỊCH

Lữ quán thù tương vẫn

Cô đảng bạn thử thân

Nhất niên kim dạ tận

Vạn lý vị qui nhân.

DỊCH

Ngậm ngùi quán khách vắng
tanh

Đèn khuya một ngọn với mình
lân la

Giờ đây năm cũ bước qua

Mà người muôn dặm đường xa
chưa về.

Bài thơ chữ Hán không phiên âm cũng không ghi tên tác giả. Có người bảo là của Trần Danh Ấn làm lúc theo vua Chiêu Thống chạy sang Tàu. Còn bài thơ dịch thì Tản Đà tiên sinh đã dịch trong đêm tất niên năm Mậu Thìn (1928) lúc viết «Đông Pháp Thời báo». Khi ghé lại

Nha Trang, tiên sinh có đọc cho cậu ấm Nguyễn Tử Trực và ông cửu Lê Đình Xương nghe.

Còn một câu lục bát nữa viết nơi bìa một quyển sách cũ, sẽ tuy đã nhòa, nhưng vẫn nhận được là nét bút của tiên sinh :

*Cõi trần chẳng có Thiên thai,
Bồng dung trong lúc canh dài gập
tiên.*

Theo lời một người đệ tử¹² của tiên sinh thì câu thơ trên tiên sinh làm ở Khê Thượng vào khoảng 1937 : Nguyên một đêm tiên sinh nằm chiêm bao thấy mình vào núi thượng xuân. Chợt một đoàn tiên nữ xuất hiện. Một nàng lấy tay

12 Tên Trần Văn Lai, biện làm thư ký quận Vĩnh Xương tỉnh Khánh Hòa.

áo vẩy bảo tiên sinh đi theo. Tiên sinh theo vào một động đá có suối trong có hoa đào nở, phảng phất cảnh Thiên thai của họ Nguyễn họ Lưu. Đương khoái mắt khoái lòng thì đoàn tiên nữ biến mất và khói mù nổi dậy phủ kín cả cảnh vật bốn bên. Tiên sinh thất kinh. Liền đó giật mình tỉnh giấc... Tiên sinh bèn trở dậy khêu đèn làm thơ chép mộng. Vừa viết được hai câu thì người nhà thức dậy làm tiên sinh bại hứng. Thành ra mộng dở dang mà thơ cũng dở dang !

Thăm gia đình tiên sinh rồi, tôi đến viếng mộ tiên sinh. Buổi sinh thời tiên sinh ao ước khi chết được chôn trên ngọn đồi cạnh cầu Hàm Rồng ở Thanh Hóa. Nhưng vì gia đình nghèo, bạn bè không thể

lực, nên phải an táng tiên sinh tại nghĩa địa công cộng của thành phố Hà Nội.

Năm 1943, Nguyễn Tiến Lãng¹³ vào làm Án sát tỉnh Khánh Hòa, nhân nhắc đến tiên sinh, tôi có cho biết sở nguyện của người quá cố. Nguyễn quân đứng dậy khấn : «Nếu nay mai tôi được dời ra làm quan ở Thanh Hóa, tôi nguyện tìm mọi cách để đem cho được anh cốt tiên sinh vào Hàm Rồng.»

Năm 1944, Nguyễn quân sau đổi về bộ, thì được thăng Bộ Chánh Thanh Hóa. Tôi viết thư ra nhắc. Nguyễn quân đáp rằng vẫn nhớ lời. Song chưa được bao lâu thì Nhật lật đổ Pháp, rồi Việt Minh đứng dậy cướp Chánh quyền, kể

¹³ Nguyễn Tiến Lãng là em vợ Tản Đà tiên sinh.

đến chiến tranh Việt Pháp bùng nổ,
giấc mộng Hàm Rồng bị phá tan !

Trong ngót 10 năm loạn lạc, tôi
chạy về Bình Định, mặc dù gian
nan khổ cực, tôi vẫn thường nhớ
đến tiên sinh.

Năm 1949, một người quen ở
thôn Phú Thọ, xã Bình Phú quận
Bình Khê, tỉnh Bình Định, là anh
Nguyễn Cửu, bắt được một con cá
tràu và mua được một bình rượu
bọt, bèn lén mời ông bạn Nguyễn
Đồng và tôi đến nhà đánh chén¹⁴.
Ăn uống nơi sân sau dưới bóng
trăng đầu hạ. Mùi rượu ánh trăng
làm tôi nhớ tiên sinh da diết. Bèn
soạn mấy vần để vợ bớt niềm nhớ
nhung :

14 Thời Việt Minh, để tiết kiệm gạo, chánh quyền
cấm nấu rượu. Tuy vậy vẫn có rượu lậu. Ai có được
một ít, coi quý hơn vàng.

*Đà - giang từ độ rụng văn tinh
Tản - lĩnh điều hiu rọi bóng mình.
Móng đỏ in sâu lòng tuyết trắng
Tơ vàng mang nặng nợ dâu
xanh.*

*Hàm Rồng nắm cỏ chưa tròn
mộng,*

*Khê Thượng nguồn thơ luống
quận tình.*

*Chén rượu đêm nay nồng nã
nhớ*

Hồn ai lai láng ánh trăng thanh...

Sau ngày ký Hiệp định Genève, tôi trở vào Nha Trang. Mỗi năm đến ngày kỵ tiên sinh, tôi âm thầm đốt trầm pha rượu làm lễ. Và năm

Quý Mão (1963), trong một buổi học tập thường kỳ của công chức Nha Trang, tôi tổ chức cuộc nói chuyện về thân thế và sự nghiệp của tiên sinh.

*

Bài nói chuyện của tôi không có chi mới lạ. Tôi chỉ nói lại dưới một hình thức khác, những gì đã được khám phá bấy lâu. Tôi chỉ nhấn mạnh một điểm mà bấy lâu các học giả nghiên cứu về Tản Đà tiên sinh ít khi đề cập đến. Đó là việc xảy ra giữ tiên sinh và nhà lãnh tụ Việt nam Quốc dân Đảng Nguyễn Thái Học. Vì là một sự kiện lịch sử, tưởng cũng nên nhắc lại :

Năm 1927, Việt Nam Quốc dân Đảng thành lập, lấy Dân tộc, Dân quyền, Dân sinh làm chủ nghĩa, lấy Độc lập, Dân chủ, Phú cường làm phương châm. Tuy còn đương trong thời kỳ bí mật, nhưng uy danh của vị lãnh tụ, hùng tâm hùng khí của các cấp chỉ huy, lòng nhiệt thành và đức hy sinh cao cả của đa số đồng chí, đã làm cho bọn cường quyền vừa sợ vừa kính, hàng sỹ phu yêu nước qui tâm. Để gây ảnh hưởng sâu rộng, Đảng quyết định dùng báo chí làm cơ quan tranh đấu và tuyên truyền. Quyết định ra nhằm lúc «An Nam Tạp chí» tạm đình bản vì thiếu hụt tài chánh. Ban Chấp hành Trung ương bèn ủy quyền cho lãnh tụ Nguyễn Thái Học đến thương lượng cùng Tản Đà tiên sinh.

Tản Đà tiên sinh là một nhà thơ yêu tổ quốc như yên văn chương và lập chí đem văn chương đền ơn tổ quốc từ lúc còn trẻ :

*Này vẫn bác Tản Đà ngày trước
Thuở xuân xanh thề ước non
sống.*

*Trải bao xuân hạ thu đông,
Càng phơ mái tóc cho lòng càng
son¹⁵...*

Lòng tiên sinh luôn luôn ấp ủ giấc mộng «bồi lại bức dư đồ Việt Nam» mà :

*Buổi trước ông cha mua để lại
Ngày nay con cháu lấy làm
chơi¹⁶*

15 Trích trong bài «Xuân Cảm Năm Ất Hợi», Tản Đà Vận Văn.

16 Trích trong bài «Vịnh Bức Địa Đồ Rách», Tản Đà Vận Văn.

Một cây làm chẳng nên non,
tiên sinh khát khao gặp được bạn
đồng chí để chung lo đại sự. Nhưng
«nước đi chưa lại non còn đứng
không...», và :

*Non cao những ngóng cùng
trông,*

*Suối khô dòng lệ chờ mong
tháng ngày.*

Xương mai một năm hao gầy

*Tóc mây một mái đã đầy tuyết
sương¹⁷...*

Cho nên khi gặp lãnh tụ Nguyễn
Thái Học, tiên sinh mừng không
xiết nỗi mừng :

¹⁷ Trích trong bài «Thề Non Nước», Tản Đà Văn
Vấn.

Rồng tiên cùng họ từ xưa

Ba mươi năm mới bây giờ gặp nhau¹⁸.

Nhất kiến như cựa, tiên sinh coi Nguyễn lãnh tụ chẳng những là người đồng chí mà còn là bạn tri âm bấy lâu cách nẻo phương trời bỗng nhớ nhau tìm đến... Chuyện nhân tình, câu thế sự, tình đất nước, nợ văn chương... đối diện đàm tâm, hai bên rất là tương đắc. Nên khi Nguyễn lãnh tụ đem vấn đề «An Nam Tạp chí» ra bàn, tiên sinh liền hoan hỷ chấp nhận, chấp nhận không điều kiện và với lòng chân thành, Sao lại quá dễ dàng ? Chẳng có gì lạ. Tản Đà tiên sinh mở «An Nam Tạp chí» chỉ vì :

¹⁸ Trích trong bài “Chơi Huế”. Có sự trùng hợp thích thú là Thi nhân và Lãnh tụ đều là họ Nguyễn.

*Non sông thề với hai vai
Quyết đem bút sắt mà mài lòng
son¹⁹.*

Tức là tiên sinh mở báo không phải để mưu việc sanh nhai, mà chính để thực hiện lời nguyện non nước:

*Nước non đã nặng lời nguyện
An Nam Tọa Chí con thuyền linh
đình*

*Phong ba đánh giạt khối tình
Tám năm tay lái một mình ngược
xuôi²⁰.*

¹⁹ Trích trong bài «Xuân Sầu», Tấn Đà Vận Văn, tập II.

²⁰ Trong bài «Một Bức Thư Của Người Nhà Quê», Tấn Đà Vận Văn, tập II.

Một mình ngược xuôi giữa
phong ba, nên «An Nam Tạp chí»
đã bao phen chìm nổi nổi chìm,
mục đích nhằm khó lòng đi đến :

Biết bao ra Bắc vào Nam

Bức dư đồ rách đã cam khó lòng !

Văn chương chút nghĩa đèo bồng

*Thuyền không tay lái vẫy vùng
được sao²¹ ?*

Nay có người đồng thanh đồng
khí muốn cùng mình chung sức lái
con thuyền, thì còn đợi gì nữa mà
chần chờ, thì còn mong gì nữa mà
đòi hỏi ?

21 Trích trong bài “Xuân Tứ” Tản Đà Vận Văn, tập I.
Thơ nói về “An Nam Tạp chí” còn nhiều. Đây chỉ dẫn
một ít.

Quản chi sông rộng doanh khơi

*Buồm không thuận gió ai ơi cũng
đành²².*

Đối với tiên sinh, việc «An Nam Tạp chí» như thế là giải quyết. Tiên sinh bèn mở tiệc rượu đãi Nguyễn lãnh tụ. Chủ khách đều cao hứng. Để lợi thì giờ, đường hướng và các mục chính của tờ tạp chí được đem ra thảo luận. Hai bên rất hợp ý nhau. Nhưng Nguyễn Thái Học vốn tánh cẩn thận và làm việc theo nguyên tắc, nên yêu cầu tiên sinh xác nhận sự ưng thuận bằng một bản giao kèo. Tiên sinh đương vui liền đổi ngay sắc mặt và lạnh lùng đáp : «Như thế là ông không hiểu bụng tôi !» Đoạn bỏ đũa, đứng dậy

²² Trong bài «Một Bức Thư Của Người Nhà Quê», Tản Đà Vận Văn, tập II.

vào nhà trong, nhất định không ra tiếp chuyện cùng Nguyễn lãnh tụ nữa !

Từ trước đến giờ, những người rõ chuyện, hầu hết đều cho thái độ của Tản Đà tiên sinh là kỳ quái. Kẻ chê tiên sinh là cố chấp, người chê là nông là gàn, chớ không mấy ai chịu khó tìm xem vì sao lời yêu cầu của Nguyễn lãnh tụ - một lời yêu cầu thông thường không có chi quá đáng lại gây nơi Tản Đà một phản ứng đến độ khốc liệt như thế ? Theo thiển ý : Lời yêu cầu của Nguyễn Thái Học đã chạm lòng tự ái Tản Đà quá mạnh. Tản Đà tiên sinh vốn là người đa cảm lại nhạy cảm, và bình sinh lấy Thành Tín làm căn bản xử thế và tu thân.

«Nhất nặc thiên kim²³», gương các bậc hiền nhân quân tử ngày xưa còn rạng ngời trong sử sách. Kìa Duyên Lăng Quý Tử nước Ngô thời Chiến Quốc : Đi sứ sang nước Tấn, nhân qua ngang nước Tề, Quý Tử ghé thăm vua Tề là bạn cố giao. Nhà vua thấy Quý Tử đeo thanh bảo kiếm, ra dáng thích, muốn xin mà không tiện nói ra. Quý Tử biết ý, song chưa xong sứ mệnh, bảo kiếm không thể ly thân, nên định tâm lúc trở về sẽ dâng tặng. Rủi thay ! lúc Quý Tử trở về thì vua Tề đã mất ! Trao kiếm cho Tục quân, Tục quân không nhận vì không có di mệnh của Tiên Vương, Quý Tử đành phải đem kiếm treo nơi mộ vua Tề để

23 Nhất nặc thiên kim (一诺千金). Thành ngữ này có nghĩa là một lời hứa đáng giá ngàn vàng, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giữ uy tín và lời hứa. «Nặc» (诺) có nghĩa là lời hứa, lời cam kết.

lòng khỏi dối lòng, tức để lòng giữ tròn chữ tín. Duyên Lăng Quý Tử chỉ mới tự hứa trong lòng mà còn thủ tín như thế, huống hồ Tản Đà tiên sinh đã hứa ra lời, thì thử hỏi lòng trọng danh dự của tiên sinh có thể để cho tiên sinh thất hứa ? Thế mà Nguyễn Thái Học người tiên sinh hết lòng trọng vọng, trọn lòng tin tưởng, trọng vọng tin tưởng đến độ không còn chút đắn đo dè dặt lại không hiểu bụng tiên sinh, lại nghi ngờ tác thành của tiên sinh, e ngại chữ tín của tiên sinh, muốn tiên sinh phải phơi bày ra mặt giấy cho được rõ ràng chắc chắn ! Đãi ngộ như thế bảo sao không gây phản ứng dữ dội nơi Tản Đà tiên sinh ? Đó là cái phản ứng đột nhiên và tự nhiên như chỗ thối non chạm phải lửa đỏ.

Nhiều người cho là quá đáng. Theo thường tình mà xét thì có phần quá đáng thật. Song không có gì quá đáng đối với một tâm hồn vừa tế nhị vừa thanh cao, một tâm hồn đã đa cảm lại nhạy cảm, như Tản Đà tiên sinh. Ví như tiếng con thanh oa nhảy xuống hồ nước trong đêm thanh vắng, đối với một ngư ông, một du khách, thì chỉ là một tiếng động tầm thường, có khi không nghe thấy, thế mà đối với một thi nhân từng sống trong thiên định, như Basho của Nhật Bản, lại là một tiếng dữ dội làm dao động cả không gian thời gian²⁴ ! Sự thật là thế, có thể nghiệm mới biết.

Lại có người buộc tội tiên sinh, vì tự ái quá to mà làm hỏng việc

²⁴ Xem bài «Nocturne Solitude» của Basho trong sách «La Poésie Japonaise» của Karl Petit.

lớn. Tôi thiết tưởng : Tản Đà tiên sinh là một nhà thơ sống về tình cảm, Nguyễn lãn tụ là một nhà cách mạng thiên về lý trí. Một bên làm việc tùy hứng, một bên theo đường lối chủ trương. Mặc dù cả hai chung lòng yêu nước yêu nòi, nhưng tánh tình khác nhau, không thể hợp tác với nhau lâu bền được. “Tình thương nhau thì vẫn nặng, mà lấy nhau hẳn là không đặng. Để đến nỗi tình trước phụ sau, chỉ cho bằng sớm liệu mà buông nhau²⁵”.

Dở dang là chữ tài ba,

*Chấp tay vái lạy trăng già chứng
cho²⁶.*

Trong bài “Thư đưa người tình

25 Trích trong bài “Tình Già” của Phan Khôi.

26 Trích trong bài “Thư gửi cho người tình nhân có quen biết”, Tản Đà Vận Văn.

nhân có quen biết” của Tản Đà tiên sinh, đoạn cuối tình cảnh giống y trường hợp giữa tiên sinh và Nguyễn lãnh tụ :

*Duyên hồ thắm bỗng rụng phai
nhạt*

Mối tơ vương đứt nát tan tành !

Tấm riêng riêng những thẹn mình

*Giữa đường bông đứt gánh tình
như không !*

Gập tờ giấy niêm phong hạt lệ

Nhờ cánh tem bay đệ cung mây :

Ái ân thôi có ngần này

*Thề nguyện non nước đợi ngày tái
sinh.*

Phải chăng hồn chữ linh thiêng đã khiến tiên sinh làm sẵn trước để gởi nhân người “Rồng Tiên cùng họ từ xưa”, sau khi “duyên hồ thắm bỗng dựng phai nhạt” ?

*

Tản Đà tiên sinh đã đi vào văn học sử. Tất cả những gì còn sót lại về tiên sinh, nhỏ cũng như lớn, đều quý báu đáng gìn giữ nâng niu.

Trong “Thi Nhân Việt Nam”, Hoài Thanh có mấy lời cung chiêu anh hồn tiên sinh, rằng :

“Tiên sinh còn giữ được của thời trước cái cốt cách vững vàng, cái phong thái thung dung. Đời tiên sinh tuy bơ vơ, hồn tiên sinh còn có nơi nương tựa. Tiên sinh đã

đi qua giữa cái hỗn độn của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ hai mươi với tấm lòng bình thản một người thời trước. Những nổi chậ vật của cuộc sống hằng ngày, những cảnh đời éo le thường phô bày ra trước mắt không từng làm bọn được linh hồn cao khiết của tiên sinh. Cái dáng điệu ngang tàng chúng tôi thường thấy ở các nhà thơ xưa, ở tiên sinh không bao giờ có vẻ vay mượn. Cái buồn chán của tiên sinh cũng là cái buồn chán của một người trượng phu. Than thở có, nhưng không bao giờ rên rĩ...”

Những lời ấy đã nói lên cái văn thái và phong độ của Tản Đà tiên sinh.

Riêng đối với tiên sinh, tôi là

người mang ơn nặng. Lúc tiên sinh còn tại thế cũng như từ khi tiên sinh qui thần, tôi chưa một lần đền đáp. Mà không biết lấy gì đền đáp cho xứng đáng ! Âu đành ghi chép lại, phơi bày ra tất cả những gì tôi biết được về tiên sinh, hầu giúp thêm tài liệu cho các nhà khảo cứu muốn đi sâu vào tâm hồn và văn chương tiên sinh. Đó là mong đền ơn tiên sinh trong muôn một.

Tiên sinh dù khuất, song :

Dấu cho sông cạn đá mòn

*Trung hồn khôn thác trình hồn
khôn tan²⁷.*

Trong cõi U-huyền chắc tiên sinh chứng giám tấm lòng thành kính của tôi mà ngâm lớn :

27 «Trông Trăng Cảm Tưởng», Tản Đà Văn Vãn.

*Dưới trên còn đất còn trời
Còn non còn nước còn người nước
non.*

*Đá dù cạn Tản dù mòn
Còn ai thi sỹ mãi còn tri âm²⁸.*

Quách Tấn

(Nha Trang tiết Trung Thu năm
Canh Tuất, tháng 9 năm 1970)

28 «Cười Bác Mai Lâm», Tản Đà Vận Văn.

